

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương;

nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Các Bộ: GDĐT, TC, KHĐT;
- Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Báo QT, Đài PTTH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, tx, tp;
- TT tin học (UBND tỉnh), Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



QUY ĐỊNH

Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông do địa phương chủ trì thực hiện gồm: kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tuyển sinh đầu cấp; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn học sinh giỏi các môn văn hoá cấp tỉnh, cấp huyện (sau đây gọi là mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương).

2. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ sở giáo dục, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 3. Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương

1. Mức tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi: tốt nghiệp trung học phổ thông; tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học phổ thông; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh được quy định tối đa tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi: tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở; chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện/thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); chọn đội tuyển cấp huyện dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh: Áp dụng tương ứng tối đa bằng 80% mức chi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Đối với thành viên đảm nhận nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.

Điều 4. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương; được xây dựng trong quy trình năm học hàng năm của ngành giáo dục đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức được quy định tối đa tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều này do Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức: Áp dụng tương ứng tối đa bằng 80% mức chi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều này, kỳ thi học sinh giỏi do cấp trường chủ trì tổ chức: Áp dụng tương ứng tối đa bằng 60% mức chi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Căn cứ khả năng kinh phí, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của trung ương và địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quyết định mức chi phù hợp.

Điều 5. Quy định về nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.



Phụ lục I

**MỨC TIỀN CÔNG CỤ THỂ TỐI ĐA CHO TỪNG CHỨC DANH
LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THI Ở ĐỊA PHƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Các chức danh của Hội đồng/Ban ra đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000	
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
1.3	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	Đồng/người/ngày	320.000	
1.4	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000	
2	Các chức danh của Hội đồng/Ban in sao đề thi			
2.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000	
2.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
2.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	320.000	
2.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	280.000	
2.5	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000	
2.6	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Đồng/người/ngày	360.000	
3	Các chức danh của Ban Chỉ đạo thi			
3.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000	
3.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
3.3	Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ngày	320.000	
3.4	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ngày	200.000	
4	Các chức danh của Hội đồng thi			
4.1	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	400.000	
4.2	Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	360.000	
4.3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	320.000	
5	Các chức danh của Ban Thư ký Hội đồng thi			
5.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000	
5.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
5.3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	320.000	
6	Các chức danh của Hội đồng/Ban Coi thi			
6.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000	
6.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
6.3	Ủy viên, thư ký, giám thị (cán bộ coi thi)	Đồng/người/ngày	320.000	
6.4	Nhân viên phục vụ, Công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	200.000	
7	Các chức danh của Ban/Tổ làm phách			
7.1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	400.000	
7.2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người/ngày	360.000	
7.3	Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ngày	320.000	
7.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	280.000	
7.5	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000	
8	Các chức danh của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi tự luận; Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			
8.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000	
8.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
8.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	320.000	
8.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	200.000	
9	Chi tiền công ra đề thi			
9.1	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	400.000	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	320.000	
9.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận			
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/đề theo phân môn	600.000	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	900.000	
9.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm đối với đề thi tuyển sinh đầu cấp, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi chọn vào đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (áp dụng trong những ngày ra đề)			
	- Đề thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	500.000	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	600.000	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	700.000	
	- Đề thi thực hành kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	700.000	
	- Đề thi nói gồm 10 chủ đề	Đồng/người/ngày	500.000	
10	Chi tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
10.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	400.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	320.000	
10.2	Soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	55.000	
10.3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45.000	
10.4	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	35.000	
10.5	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	20.000	
10.6	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	8.000	
10.7	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	400.000	
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	320.000	
11	Chi tiền công chấm bài thi¹			
11.1	Chấm bài thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/người/ngày	400.000	
11.2	Chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	Đồng/người/ngày	400.000	
11.3	Chấm bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	360.000	
11.4	Chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	360.000	
11.5	Chấm bài thi tự luận, bài thi nói, bài thực hành, bài thi tin học kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	320.000	
11.6	Chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	320.000	
11.7	Chấm phúc khảo bài thi tự luận kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	320.000	
11.8	Chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	320.000	
11.9	Chấm bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	320.000	
11.10	Chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	320.000	

* Mức chi tiền công quy định tại phụ lục này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

¹ Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi:

- Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia/ cấp tỉnh và chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ cấp huyện: Tối đa 20 bài/người/ngày;

- Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển sinh đầu cấp: Tối đa 30 bài/người/ngày.



Phụ lục II

NỘI DUNG, MỨC CHI TỐI ĐA ĐỀ CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỶ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	MỨC TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH TRONG CÁC KỶ THI, CUỘC THI, HỘI THI THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO DO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHỦ TRÌ TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)			
1	Nội dung, mức chi			
a	Mức chi tiền công cho các chức danh của Ban tổ chức, Ban ra đề thi, Ban coi thi, chấm thi			
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	320.000	
	- Thành viên, thư ký, cán bộ giám sát, cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	290.000	
	- Phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	180.000	
b	Mức chi tiền công cho công tác chấm thi (tối đa 3 tiết, 3 sản phẩm, 3 đề tài/ngày)			
	- Định mức chấm thi (dự giờ 1 tiết)	Đồng/người/tiết	120.000	
	- Chấm sản phẩm dự thi	Đồng/người/sản phẩm	120.000	
	- Chấm bài kiểm tra năng lực giáo viên, bài soạn giáo án, đề tài sáng kiến	Đồng/người/bài soạn	120.000	
c	Mức chi tiền công cho Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm	Đồng/người/đợt	250.000	
2	Nội dung chi và mức chi cho kỳ thi Nghề phổ thông, cấp chứng chỉ			
a	Mức chi tiền công cho các chức danh của Hội đồng			
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	320.000	
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ giám sát, cán bộ coi thi, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	290.000	
	- Phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	180.000	
b	Mức chi tiền công cho các chức danh của Ban Ra đề, In sao đề thi, Coi thi, Chấm thi, làm phách. Phục khảo bài thi... thuộc Hội đồng thi			
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	320.000	
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ giám sát, cán bộ coi thi	Đồng/người/ngày	290.000	
	- Phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	180.000	
c	Mức chi tiền công ra đề thi chính thức và			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	dự bị có kèm đáp án, biểu điểm			
	- Đề thi Nghề Phổ thông	Đồng/người/ngày	400.000	
	- Đề thi cấp chứng chỉ	Đồng/người/ngày	360.000	
d	Mức chi tiền công chấm bài²			
	- Chấm bài thi Nghề Phổ thông	Đồng/người/ngày	290.000	
	- Chấm bài thi cấp chứng chỉ	Đồng/người/ngày	280.000	
đ	Mức chi tiền công tổ trưởng chấm thi	Đồng/người/đợt	250.000	
II	CHI TIỀN CÔNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐỀ THI			
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	290.000	
2	Chi soạn thảo câu hỏi thô.	Đồng/câu	40.000	
3	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi.	Đồng/câu	30.000	
4	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm.	Đồng/câu	20.000	
5	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	10.000	
6	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa (được quản lý trên phần mềm máy tính)	Đồng/câu	5.000	
7	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Đồng/báo cáo/ đề thi	360.000	
8	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	290.000	
9	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm	Đồng/người/ngày	400.000	
III	CHI TIỀN CÔNG THANH TRA, KIỂM TRA TRƯỚC, TRONG VÀ SAU KHI THI (Áp dụng cho tất cả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo)			
1	Chi tiền công thanh tra			
	- Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Phó Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	320.000	
	- Thanh tra viên độc lập	Đồng/người/ngày	320.000	
	- Thành viên đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	290.000	
2	Chi tiền công kiểm tra			
	- Trưởng đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	360.000	
	- Phó Trưởng đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	320.000	
	- Thành viên đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	290.000	
IV	HỖ TRỢ TIỀN ĂN VÀ GIẢI KHÁT GIỮA GIỜ CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG KHU VỰC CÁCH LY, BẢO VỆ BÀI THI, ĐỀ THI (Áp dụng cho tất cả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo)			
	- Trong những ngày thực tế ra đề thi, in sao	Đồng/người/ngày	300.000	

² Định mức chấm bài thi theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi: Tối đa 50 bài/người/ngày.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	đề thi, làm phách bài thi			
	- Trong thời gian còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi)	Đồng/người/ngày	220.000	
V	TIỀN CÔNG TẬP HUẤN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI (Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành, trợ lý thí nghiệm, thực hành)			<i>Áp dụng mức chi tại mục III.2 và mục IV phụ lục I kèm theo theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về “Phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chính sách khen thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”</i>
VI	CÁC KHOẢN CHI PHÍ THEO THỰC TẾ ĐỂ CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO			<i>Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng nguồn kinh phí và phạm vi dự toán được giao.</i>

* Mức chi tiền công quy định tại phụ lục này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.